

Số: **3755/QĐ-UBND**

Đà Nẵng, ngày **22** tháng **8** năm **2019**

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Thông qua phương án đơn giản hoá và kiến nghị đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của thành phố Đà Nẵng**

### **CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Kế hoạch số 737/KH-UBND ngày 01 tháng 02 năm 2019 của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng về rà soát, đánh giá thủ tục hành chính năm 2019 trên địa bàn thành phố Đà Nẵng;

Xét đề nghị của Chánh Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Thông qua Phương án đơn giản hoá và kiến nghị đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của thành phố Đà Nẵng (theo Phụ lục đính kèm Quyết định này).

**Điều 2.** Giao các sở, ban, ngành, UBND các quận, huyện và các đơn vị có liên quan thực thi phương án đơn giản hóa đối với các thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực thông tin và truyền thông; giao thông vận tải (mục A Phương án).

**Điều 3.** Các sở, ban, ngành, UBND các quận, huyện và các đơn vị có liên quan tổ chức thực thi phương án kiến nghị đơn giản hóa đối với các thủ tục hành chính không thuộc thẩm quyền xử lý của thành phố (mục B Phương án) sau khi được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ thông qua.

**Điều 4.** Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố có trách nhiệm kiểm tra, đôn đốc các sở, ban, ngành, UBND các quận, huyện và các đơn vị có liên quan thực hiện Quyết định này.

**Điều 5.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 6.** Chánh Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc các sở, Thủ trưởng các ban, ngành có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

**Nơi nhận:**

- Thủ tướng Chính phủ (báo cáo);
- Văn phòng Chính phủ (Cục KSTTHC);
- Các sở, ban, ngành;
- UBND quận, huyện;
- Lưu: VT, KSTT.

65

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Đặng Việt Dũng**

**PHƯƠNG ÁN ĐƠN GIẢN HÓA VÀ KIẾN NGHỊ ĐƠN GIẢN HÓA  
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT  
CỦA THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

(Ban hành kèm theo Quyết định số **3755** (QĐ)-UBND ngày **22** tháng **8** năm 2019  
của Chủ tịch UBND thành phố Đà Nẵng)

**A. PHƯƠNG ÁN ĐƠN GIẢN HÓA**

**I. Lĩnh vực thông tin và truyền thông (thuộc thẩm quyền của Sở  
Thông tin và Truyền thông).**

**1. Thủ tục: Phê duyệt phương án công trình cấp viễn thông đi treo**

a) Nội dung đơn giản hóa

Về thời hạn giải quyết: Rút ngắn thời hạn giải quyết TTHC từ 20 ngày làm việc xuống còn 15 ngày làm việc.

Lý do: Qua thực tế giải quyết TTHC có thể rút ngắn thời hạn xử lý TTHC tại phòng chuyên môn thông qua tăng cường trách nhiệm của những người có thẩm quyền trong giải quyết TTHC.

b) Thực thi: Sửa đổi khoản 2 Điều 16 Quyết định số 09/2018/QĐ-UBND ngày 05 tháng 3 năm 2018 của UBND thành phố Đà Nẵng Quy định quản lý cấp viễn thông trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa: Tạo thuận lợi cho cá nhân, tổ chức thực hiện thủ tục hành chính đồng thời tăng cường trách nhiệm cho cán bộ giải quyết thủ tục hành chính.

**II. Lĩnh vực giao thông vận tải (thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã)**

**1. Thủ tục: Thủ tục cấp phép hành nghề vận chuyển hành khách, hàng hóa bằng xe thô sơ, xe gắn máy, xe mô tô 02 bánh và các loại xe tương tự**

a) Nội dung đơn giản hóa

Về thời hạn giải quyết: Rút ngắn thời hạn giải quyết TTHC từ 03 ngày làm việc xuống còn 02 ngày làm việc.

Lý do: Qua thực tế giải quyết TTHC có thể rút ngắn thời hạn xử lý TTHC tại phòng chuyên môn thông qua tăng cường trách nhiệm của những người có thẩm quyền trong giải quyết TTHC

b) Thực thi: Sửa đổi khoản 4 Điều 7 Quyết định số 29/2010/QĐ-UBND ngày 27 tháng 9 năm 2010 của UBND thành phố Đà Nẵng về ban hành Quy định về tổ chức quản lý, hoạt động vận chuyển hành khách, hàng hóa bằng xe thô

sơ, xe gắn máy, xe mô tô hai bánh và các loại xe tương tự trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa: Tạo thuận lợi cho cá nhân thực hiện thủ tục hành chính đồng thời tăng cường trách nhiệm cho cán bộ giải quyết thủ tục hành chính.

## **B. PHƯƠNG ÁN KIẾN NGHỊ ĐƠN GIẢN HÓA**

### **I. Lĩnh vực Công thương (thuộc thẩm quyền của Sở Công Thương)**

#### **1. Thủ tục: Đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương**

##### **a) Nội dung đơn giản hóa**

Về thành phần hồ sơ: Bộ quy định chứng thực đối với thành phần hồ sơ quy định tại khoản 3 Điều 9 Nghị định số 40/2018/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp.

Lý do: Yêu cầu trên không cần thiết, làm phát sinh chi phí tuân thủ TTHC của doanh nghiệp khi thực hiện TTHC này.

b) Kiến nghị thực thi: Sửa đổi khoản 3 Điều 9 Nghị định số 40/2018/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp (phương án sửa đổi là nộp bán sao có ban chính để đối chiếu).

##### **c) Lợi ích phương án đơn giản hóa:**

- Chi phí tuân thủ TTHC trước đơn giản hóa: 140.000.000 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 115.000.000 đồng/năm
- Chi phí tiết kiệm: 25.000.000 đồng/năm
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 17,9 %

#### **2. Thủ tục: Đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương**

##### **a) Nội dung đơn giản hóa**

Về thành phần hồ sơ: Bộ quy định chứng thực đối với thành phần hồ sơ quy định tại khoản 3 Điều 9 Nghị định số 40/2018/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp.

Lý do: Yêu cầu trên không cần thiết, làm phát sinh chi phí tuân thủ TTHC của doanh nghiệp khi thực hiện TTHC này.

b) Kiến nghị thực thi: Sửa đổi khoản 3 Điều 9 Nghị định số 40/2018/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp (phương án sửa đổi là nộ bản sao có bản chính để đối chiếu).

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước đơn giản hóa: 117.000.000 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 92.000.000 đồng/năm
- Chi phí tiết kiệm: 25.000.000 đồng/năm
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 21,4 %

## II. Lĩnh vực giáo dục (thuộc thẩm quyền của Sở Giáo dục và Đào tạo)

**1. Thủ tục: Cấp giấy phép tổ chức hoạt động dạy thêm, học thêm ngoài nhà trường đối với các trường hợp tổ chức dạy thêm, học thêm có nội dung thuộc chương trình trung học phổ thông hoặc thuộc nhiều chương trình nhưng có chương trình cao nhất là chương trình trung học phổ thông**

a) Nội dung đơn giản hóa:

Về thời gian cấp phép: Rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục từ 15 ngày làm việc xuống còn 14 ngày làm việc đối với hồ sơ nộp theo phương thức trực tiếp và 13 ngày làm việc đối với phương thức trực tuyến.

Lý do: Qua thực tiễn giải quyết thủ tục hành chính, thời gian có thể được rút ngắn nhằm tăng cường trách nhiệm phối hợp của cán bộ, công chức khi thực hiện nhiệm vụ.

b) Kiến nghị thực thi: Sửa đổi khoản 3 Điều 13 Thông tư số 17/2012/TT-BGDĐT ngày 16 tháng 5 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về dạy thêm, học thêm.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa: Tạo thuận lợi cho cá nhân, tổ chức khi thực hiện thủ tục hành chính.

**2. Thủ tục: Gia hạn giấy phép tổ chức hoạt động dạy thêm, học thêm ngoài nhà trường đối với các trường hợp tổ chức dạy thêm, học thêm có nội dung thuộc chương trình trung học phổ thông hoặc thuộc nhiều chương trình nhưng có chương trình cao nhất là chương trình trung học phổ thông**

a) Nội dung đơn giản hóa:

Về thời gian gia hạn: Rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục từ 15 ngày làm việc xuống còn 13 ngày làm việc.

Lý do: Qua thực tiễn giải quyết thủ tục hành chính, thời gian có thể được rút ngắn nhằm tăng cường trách nhiệm phối hợp của cán bộ, công chức khi thực hiện nhiệm vụ.

b) Kiến nghị thực thi: Sửa đổi khoản 3 Điều 13 Thông tư số 17/2012/TT-BGDĐT ngày 16 tháng 5 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về dạy thêm, học thêm.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa: Tạo thuận lợi cho cá nhân, tổ chức khi thực hiện thủ tục hành chính.

**3.Thủ tục: Cấp phép tổ chức hoạt động dạy thêm, học thêm đối với các trường phổ thông đối với các trường hợp tổ chức dạy thêm, học thêm có nội dung thuộc chương trình trung học phổ thông hoặc nhiều chương trình nhưng có chương trình cao nhất là chương trình trung học phổ thông**

a) Nội dung đơn giản hóa:

Về thời gian cấp phép: Rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục từ 15 ngày làm việc xuống còn 14 ngày làm việc đối với hồ sơ nộp theo phương thức trực tiếp và 13 ngày làm việc đối với phương thức trực tuyến.

Lý do: Qua thực tiễn giải quyết thủ tục hành chính, thời gian có thể được rút ngắn nhằm tăng cường trách nhiệm phối hợp của cán bộ, công chức khi thực hiện nhiệm vụ.

b) Kiến nghị thực thi: Sửa đổi khoản 3 Điều 13 Thông tư số 17/2012/TT-BGDĐT ngày 16 tháng 5 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về dạy thêm, học thêm.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa: Tạo thuận lợi cho cá nhân, tổ chức khi thực hiện thủ tục hành chính.

### **III. Lĩnh vực y tế (thuộc thẩm quyền của Sở Y tế)**

**1. Thủ tục: Cấp giấy phép hoạt động đối với Phòng khám chuyên khoa**

a) Nội dung đơn giản hóa

Về thành phần hồ sơ: Bổ quy định chứng thực đối với thành phần hồ sơ quy định tại điểm b, c khoản 1 Điều 39 Thông tư số 41/2011/TT-BYT ngày 14 tháng 11 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn cấp chứng chỉ hành nghề đối với người hành nghề và cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.

Lý do: Yêu cầu trên không cần thiết, làm phát sinh chi phí tuân thủ TTHC của tổ chức, cá nhân khi thực hiện TTHC này.

b) Kiến nghị thực thi: Sửa đổi điểm b, c khoản 1 Điều 39 Thông tư số 41/2011/TT-BYT ngày 14 tháng 11 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn cấp chứng chỉ hành nghề đối với người hành nghề và cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh (phương án sửa đổi là nộp bản sao có bản chính để đối chiếu)

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước đơn giản hóa: 140.000.000 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 115.000.000 đồng/năm
- Chi phí tiết kiệm: 25.000.000 đồng/năm
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 17,9 %

## **2. Thủ tục: Cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở dịch vụ làm răng giả**

a) Nội dung đơn giản hóa

Về thành phần hồ sơ: Bỏ quy định chứng thực đối với thành phần hồ sơ quy định tại điểm b, c khoản 1 Điều 43 Nghị định số 109/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định cấp chứng chỉ hành nghề đối với người hành nghề và cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.

Lý do: Yêu cầu trên không cần thiết, làm phát sinh chi phí tuân thủ TTHC của tổ chức, cá nhân khi thực hiện TTHC này.

b) Kiến nghị thực thi: Sửa đổi điểm b, c khoản 1 Điều 43 Nghị định số 109/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định cấp chứng chỉ hành nghề đối với người hành nghề và cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh (phương án sửa đổi là nộp bản sao có bản chính để đối chiếu)

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước đơn giản hóa: 48.000.000 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 46.000.000 đồng/năm
- Chi phí tiết kiệm: 2.000.000 đồng/năm
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 4,2 %

## **3. Thủ tục: Đề nghị thay đổi người chịu trách nhiệm chuyên môn của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh**

a) Nội dung đơn giản hóa

Về thành phần hồ sơ: Bỏ quy định chứng thực đối với thành phần hồ sơ quy định tại điểm d khoản 6 Điều 43 Nghị định số 109/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định cấp chứng chỉ hành nghề đối với người hành nghề và cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.

Lý do: Yêu cầu trên không cần thiết, làm phát sinh chi phí tuân thủ TTHC của tổ chức, cá nhân khi thực hiện TTHC này.

b) Kiến nghị thực thi: Sửa đổi điểm d khoản 6 Điều 43 Nghị định số 109/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định cấp chứng chỉ hành nghề đối với người hành nghề và cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh (phương án sửa đổi là nộp bản sao có ban chính để đổi chiếu)

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước đơn giản hóa: 70.000.000 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 46.000.000 đồng/năm
- Chi phí tiết kiệm: 24.000.000 đồng/năm
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 34,3 %

#### **4. Thủ tục: Công bố đủ điều kiện thực hiện khám sức khỏe**

a) Nội dung đơn giản hóa

Về thành phần hồ sơ: Bỏ quy định chứng thực đối với thành phần hồ sơ quy định tại điểm b, đ và e khoản 8 Điều 43 Nghị định số 109/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định cấp chứng chỉ hành nghề đối với người hành nghề và cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.

Lý do: Yêu cầu trên không cần thiết, làm phát sinh chi phí tuân thủ TTHC của tổ chức, cá nhân khi thực hiện TTHC này.

b) Kiến nghị thực thi: Sửa đổi điểm b, đ và e khoản 8 Điều 43 Nghị định số 109/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định cấp chứng chỉ hành nghề đối với người hành nghề và cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh (phương án sửa đổi là nộp bản sao có ban chính để đổi chiếu)

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước đơn giản hóa: 72.000.000 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 69.000.000 đồng/năm



- Chi phí tiết kiệm: 3.000.000 đồng/năm

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 4,2 %

## **5. Thủ tục: Điều chỉnh giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh**

### a) Nội dung đơn giản hóa

Về thành phần hồ sơ: Bộ quy định chứng thực đối với thành phần hồ sơ quy định tại điểm b, c khoản 1 Điều 43 Nghị định số 109/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định cấp chứng chỉ hành nghề đối với người hành nghề và cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.

Lý do: Yêu cầu trên không cần thiết, làm phát sinh chi phí tuân thủ TTHC của tổ chức, cá nhân khi thực hiện TTHC này.

b) Kiến nghị thực thi: Sửa điểm b, c khoản 1 Điều 43 Nghị định số 109/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định cấp chứng chỉ hành nghề đối với người hành nghề và cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh (phương án sửa đổi là nộp bản sao có bản chính để đổi chiếu)

### c) Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước đơn giản hóa: 59.500.000 đồng/năm

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 46.000.000 đồng/năm

- Chi phí tiết kiệm: 13.500.000 đồng/năm

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 22,7 %

## **6. Thủ tục: Cấp giấy phép hoạt động đối với Phòng chẩn trị y học cổ truyền**

### a) Nội dung đơn giản hóa

Về thành phần hồ sơ: Bộ quy định chứng thực đối với thành phần hồ sơ quy định tại điểm b, c khoản 1 Điều 43 Nghị định số 109/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định cấp chứng chỉ hành nghề đối với người hành nghề và cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.

Lý do: Yêu cầu trên không cần thiết, làm phát sinh chi phí tuân thủ TTHC của tổ chức, cá nhân khi thực hiện TTHC này.

b) Kiến nghị thực thi: Sửa điểm b, c khoản 1 Điều 43 Nghị định số 109/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định cấp chứng

chỉ hành nghề đối với người hành nghề và cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh (phương án sửa đổi là nộp bản sao có bản chính để đối chiếu)

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước đơn giản hóa: 59.500.000 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 46.000.000 đồng/năm
- Chi phí tiết kiệm: 13.500.000 đồng/năm
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 22,7 %

#### **IV. Lĩnh vực nội vụ (thuộc thẩm quyết giải quyết của Sở Nội vụ)**

##### **1. Thủ tục: Đăng ký dự tuyển và hồ sơ trúng tuyển công chức cấp xã**

a) Nội dung đơn giản hóa:

Về thành phần hồ sơ: Bộ quy định chứng thực đối với thành phần hồ sơ quy định tại điểm e khoản 1 Điều 11 Thông tư số 06/2012/TT-BNV ngày 30 tháng 10 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn về chức trách, tiêu chuẩn cụ thể, nhiệm vụ và tuyển dụng công chức xã, phường, thị trấn.

Lý do: Yêu cầu trên không cần thiết, làm phát sinh chi phí tuân thủ TTHC cá nhân khi thực hiện TTHC này.

b) Kiến nghị thực thi: Sửa đổi điểm e khoản 1 Điều 11 Thông tư số 06/2012/TT-BNV ngày 30 tháng 10 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn về chức trách, tiêu chuẩn cụ thể, nhiệm vụ và tuyển dụng công chức xã, phường, thị trấn (phương án sửa đổi là nộp bản sao có bản chính để đối chiếu).

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước đơn giản hóa: 145.000.000 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 138.250.000 đồng/năm
- Chi phí tiết kiệm: 6.750.000 đồng/năm
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 4,7%

#### **V. Lĩnh vực Tư pháp (thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tư pháp)**

**1. Thủ tục: Thay đổi địa điểm đặt trụ sở chi nhánh của tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam sang tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác**

a) Nội dung đơn giản hóa:

Về thành phần hồ sơ: Bộ quy định chứng thực đối với thành phần hồ sơ quy định tại điểm b, đ khoản 1 Điều 10 Nghị định số 63/2011/NĐ-CP ngày 28

tháng 7 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật trọng tài thương mại.

Lý do: Yêu cầu trên không cần thiết, làm phát sinh chi phí tuân thủ TTHC cá nhân khi thực hiện TTHC này.

b) Kiến nghị thực thi: Sửa đổi điểm b, đ khoản 1 Điều 10 Nghị định số 63/2011/NĐ-CP ngày 28 tháng 7 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật trọng tài thương mại (phương án sửa đổi là nộp bản sao có bản chính để đối chiếu).

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước đơn giản hóa: 36.500.000 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 34.500.000 đồng/năm
- Chi phí tiết kiệm: 2.000.0000 đồng/năm
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 5,5%

## **2. Thủ tục: Đăng ký hoạt động văn phòng luật sư**

a) Nội dung đơn giản hóa:

Về thời hạn giải quyết: Rút ngắn thời hạn giải quyết TTHC từ 10 ngày làm việc xuống còn 09 ngày làm việc.

Lý do: Qua thực tiễn giải quyết TTHC, thời gian cấp giấy đăng ký hoạt động cho văn phòng luật sư có thể rút ngắn so với quy định.

b) Kiến nghị thực thi: Sửa đổi khoản 3 Điều 35 Luật Luật sư năm 2006, sửa đổi, bổ sung năm 2012.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa: Tạo điều kiện thuận lợi cho cá nhân thực hiện thủ tục hành chính.

## **3. Thủ tục: Đăng ký hoạt động của Công ty luật trách nhiệm hữu hạn một thành viên**

a) Nội dung đơn giản hóa:

Về thời hạn giải quyết: Rút ngắn thời hạn giải quyết TTHC từ 10 ngày làm việc xuống còn 09 ngày làm việc.

Lý do: Qua thực tiễn giải quyết TTHC, thời gian cấp giấy đăng ký hoạt động cho công ty luật trách nhiệm hữu hạn một thành viên có thể rút ngắn so với quy định.

b) Kiến nghị thực thi: Sửa đổi khoản 3 Điều 35 Luật Luật sư năm 2006, sửa đổi, bổ sung năm 2012.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa: Tạo điều kiện thuận lợi cho cá nhân, tổ chức thực hiện thủ tục hành chính.

#### **4. Thủ tục: Đăng ký hoạt động của chi nhánh tổ chức hành nghề luật sư**

a) Nội dung đơn giản hóa:

Về thời hạn giải quyết: Rút ngắn thời hạn giải quyết TTHC từ 07 ngày làm việc xuống còn 06 ngày làm việc.

Lý do: Qua thực tiễn giải quyết TTHC, thời gian cấp giấy đăng ký hoạt động cho chi nhánh tổ chức hành nghề luật sư có thể rút ngắn so với quy định.

b) Kiến nghị thực thi: Sửa đổi khoản 2 Điều 41 Luật Luật sư năm 2006, sửa đổi, bổ sung năm 2012.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa: Tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức thực hiện thủ tục hành chính.

#### **5. Thủ tục: Thành lập văn phòng giao dịch của tổ chức hành nghề luật sư trong nước**

a) Nội dung đơn giản hóa:

Về thời hạn giải quyết: Rút ngắn thời hạn giải quyết TTHC từ 07 ngày làm việc xuống còn 06 ngày làm việc.

Lý do: Qua thực tiễn giải quyết TTHC, thời gian cấp giấy đăng ký hoạt động cho văn phòng luật sư có thể rút ngắn so với quy định.

b) Kiến nghị thực thi: Sửa đổi khoản 2 Điều 10 Thông tư số 17/2011/TT-BTP ngày 14 tháng 10 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn một số quy định của Luật Luật sư, Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Luật sư, Nghị định hướng dẫn thi hành các quy định của Luật Luật sư về tổ chức xã hội - nghề nghiệp của luật sư.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa: Tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức thực hiện thủ tục hành chính.

### **VI. Lĩnh vực thông tin và truyền thông (thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Thông tin và Truyền thông)**

#### **1. Thủ tục: Thông báo thay đổi phương thức, phạm vi cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G1 trên mạng đã được phê duyệt**

a) Nội dung đơn giản hóa:

Về thời gian cấp phép: Rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục từ 07 ngày làm việc xuống còn 05 ngày làm việc.

Lý do: Qua thực tiễn giải quyết thủ tục hành chính, thời gian có thể được rút ngắn nhằm tăng cường trách nhiệm phối hợp của cán bộ, công chức khi thực hiện nhiệm vụ.

b) Kiến nghị thực thi: Sửa đổi khoản 27 Điều 1 Nghị định số 27/2018/NĐ-CP ngày 01 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 72/2013/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa: Tạo thuận lợi cho cá nhân, tổ chức khi thực hiện thủ tục hành chính.

**2. Thủ tục: Thông báo thay đổi trụ sở chính nhưng vẫn trong cùng một tỉnh, thành phố, văn phòng giao dịch, địa chỉ cho thuê máy chủ của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G1 trên mạng**

a) Nội dung đơn giản hóa:

Về thời gian cấp phép: Rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục từ 07 ngày làm việc xuống còn 05 ngày làm việc.

Lý do: Qua thực tiễn giải quyết thủ tục hành chính, thời gian có thể được rút ngắn nhằm tăng cường trách nhiệm phối hợp của cán bộ, công chức khi thực hiện nhiệm vụ.

b) Kiến nghị thực thi: Sửa đổi khoản 24 Điều 1 Nghị định số 27/2018/NĐ-CP ngày 01 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 72/2013/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa: Tạo thuận lợi cho cá nhân, tổ chức khi thực hiện thủ tục hành chính.

**3. Thủ tục: Thông báo thay đổi phần vốn góp dẫn đến thay đổi thành viên góp vốn (hoặc cổ đông) có phần vốn góp từ 30% vốn điều lệ trở lên của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G1 trên mạng.**

a) Nội dung đơn giản hóa:

Về thời gian cấp phép: Rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục từ 07 ngày làm việc xuống còn 05 ngày làm việc.

Lý do: Qua thực tiễn giải quyết thủ tục hành chính, thời gian có thể được rút ngắn nhằm tăng cường trách nhiệm phối hợp của cán bộ, công chức khi thực hiện nhiệm vụ.

b) Kiến nghị thực thi: Sửa đổi khoản 24 Điều 1 Nghị định số 27/2018/NĐ-CP ngày 01 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 72/2013/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa: Tạo thuận lợi cho cá nhân, tổ chức khi thực hiện thủ tục hành chính.

**4. Thủ tục: Thông báo thay đổi phần vốn góp dẫn đến thay đổi thành viên góp vốn (hoặc cổ đông) có phần vốn góp từ 30% vốn điều lệ trở lên của doanh nghiệp đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng.**

a) Nội dung đơn giản hóa:

Về thời gian cấp phép: Rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục từ 07 ngày làm việc xuống còn 05 ngày làm việc.

Lý do: Qua thực tiễn giải quyết thủ tục hành chính, thời gian có thể được rút ngắn nhằm tăng cường trách nhiệm phối hợp của cán bộ, công chức khi thực hiện nhiệm vụ.

b) Kiến nghị thực thi: Sửa đổi khoản 32 Điều 1 Nghị định số 27/2018/NĐ-CP ngày 01 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 72/2013/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa: Tạo thuận lợi cho cá nhân, tổ chức khi thực hiện thủ tục hành chính.

**VII. Lĩnh vực tài nguyên và môi trường (thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường)**

**1. Thủ tục: Thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường**

a) Nội dung đơn giản hóa:

Về thời gian cấp phép: Trong tổng thời gian các bước giải quyết TTHC, rút ngắn thời gian giải quyết từ 45 ngày làm việc xuống còn 40 ngày làm việc.

Lý do: Qua thực tiễn giải quyết thủ tục hành chính, thời gian có thể được rút ngắn nhằm tăng cường trách nhiệm phối hợp của cán bộ, công chức khi thực hiện nhiệm vụ.

b) Kiến nghị thực thi: Sửa đổi khoản 2 Điều 1 Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa: Tạo thuận lợi cho cá nhân, tổ chức khi thực hiện thủ tục hành chính.

## **2. Thủ tục: Thẩm định, phê duyệt trữ lượng khoáng sản trong báo cáo thăm dò khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường và than bùn**

a) Nội dung đơn giản hóa:

Về thời gian thẩm định, phê duyệt: Trong tổng thời gian các bước giải quyết TTHC, rút ngắn thời gian giải quyết từ 120 ngày xuống còn 90 ngày.

Lý do: Qua thực tiễn giải quyết thủ tục hành chính, thời gian 90 ngày làm việc là đủ để giải quyết TTHC này.

b) Kiến nghị thực thi: Sửa đổi Điều 66 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa: Tạo thuận lợi cho cá nhân, tổ chức khi thực hiện thủ tục hành chính.

## **VIII. Lĩnh vực hộ tịch (thuộc thẩm quyền giải quyết UBND cấp huyện)**

### **1. Thủ tục: Đăng ký khai tử**

a) Nội dung đơn giản hóa:

Về thành phần hồ sơ: Bỏ thành phần hồ sơ là văn bản ủy quyền trong trường hợp người được ủy quyền là ông, bà, cha, mẹ, con, vợ, chồng, anh, chị, em ruột của người ủy quyền khi đăng ký khai tử.

Lý do: Yêu cầu trên không cần thiết, làm phát sinh chi phí tuân thủ TTHC cá nhân khi thực hiện TTHC này và gây khó khăn cho thân nhân người chết và người đi khai tử.

b) Kiến nghị thực thi: Sửa đổi khoản 2 Điều 2 Thông tư số 15/2015/TT-BTP ngày 16 tháng 11 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật hộ tịch.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước đơn giản hóa: 19.400.000 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 13.800.000 đồng/năm
- Chi phí tiết kiệm: 5.600.000 đồng/năm
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 28,9%.

## **IX. Lĩnh vực hộ tịch (thuộc thẩm quyền giải quyết UBND cấp xã)**

### **1. Thủ tục: Cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân**

#### **a) Nội dung đơn giản hóa**

Về thời gian thẩm định: Rút ngắn thời gian từ 03 ngày làm việc xuống còn giải quyết ngay sau khi tiếp nhận hồ sơ nếu thuộc trường hợp không cần xác minh.

Lý do: Thời gian 03 ngày làm việc là chưa thuận lợi cho cá nhân khi thực hiện yêu cầu thực hiện thủ tục hành chính nếu thuộc trường hợp không xác minh.

b) Thực thi: Sửa đổi khoản 3 Điều 22 Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật hộ tịch 2014.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa: Tạo thuận lợi cho cá nhân khi yêu cầu thực hiện thủ tục hành chính và nâng cao ý thức trách nhiệm của bộ phận giải quyết TTHC.

### **2. Thủ tục: Thay đổi, cải chính cho người chưa đủ 14 tuổi**

#### **a) Nội dung đơn giản hóa**

Về thời gian thẩm định: Rút ngắn thời gian từ 03 ngày làm việc xuống còn 02 ngày làm việc nếu thuộc trường hợp không cần xác minh.

Lý do: Thời gian 03 ngày làm việc là chưa thuận lợi cho cá nhân khi thực hiện yêu cầu thực hiện thủ tục hành chính nếu thuộc trường hợp không xác minh.

b) Thực thi: Sửa đổi khoản 2 Điều 28 Luật hộ tịch năm 2014.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa: Tạo thuận lợi cho cá nhân khi yêu cầu thực hiện thủ tục hành chính và nâng cao ý thức trách nhiệm của bộ phận giải quyết TTHC.